

Đà Lạt, ngày 08 tháng 4 năm 2024

Số: 08/2024/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT – TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều 35, khoản 2 Điều 40, Điều 48, Điều 147, Điều 212, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ **việc Hôn nhân và gia đình** thụ lý số 189/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024 về việc “**Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn**”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Một bên là: bà **Lò T. Ph. M**, sinh năm: 1994;

Địa chỉ: Số 78 đường A, xã N, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng

Và một bên là: Ông **Võ Ng. H. S**, sinh năm: 1997.

Địa chỉ: Số 91 đường c, phường H, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lò T. Ph. M và ông Võ Ng. H. S đăng ký kết hôn tại UBND phường 6, thành phố Đà Lạt vào ngày 18/5/2021. Hôn nhân của ông bà tuy không có tổ chức lễ cưới nhưng đều xuất phát tự nguyện, không có sự ép buộc nào. Như vậy, hôn nhân giữa **bà M và ông S** là hợp pháp.

Quá trình giải quyết, theo bà M và ông S trình bày thể hiện thì: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc trong được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính một phần do vợ chồng không có tiếng nói chung, không có sự san sẻ, bàn bạc với nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2023 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng đã được gia đình hai bên khuyên nhủ nhiều và vợ chồng cũng đã cố gắng tìm hiểu nguyên nhân mâu thuẫn để khắc phục nhưng không được. Cho đến nay, **bà M và ông S** đều xác

định, ông bà không thể tiếp tục kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện tại nên thống nhất ly hôn, đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông bà.

Qua đó xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng **bà M và ông S** đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận ly hôn của **bà Mai và ông Sơn**.

[2] Về con chung:

Vợ chồng có 01 con chung tên **Võ Q. Kh**, sinh ngày 02/9/2022. Hiện tại, con đang sống cùng bà M tại Số 78 đường A, xã N, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

Khi ly hôn, **bà M và ông S** thỏa thuận giao con chung cho bà **Lò T. Ph. M** trực tiếp nuôi dưỡng; Việc cấp dưỡng nuôi con chung do vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét sự thỏa thuận trên của các đương sự là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên cần giao con chung tên **Võ Q. Kh** cho bà **Lò T. Ph. M** trực tiếp nuôi dưỡng.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: **bà M và ông S** cùng xác định, vợ chồng không có nợ chung.

[5] Về án phí, lệ phí Tòa án: **bà M và ông S** thỏa thuận chịu lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: **Bà Lò T. Ph. M và ông Võ Ng. H. S** thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung:

Vợ chồng có 01 con chung tên **Võ Q. Kh**, sinh ngày 02/9/2022.

Khi ly hôn, bà M và ông S thỏa thuận giao con chung cho bà **Lò T. Ph. M** trực tiếp nuôi dưỡng;

Việc cấp dưỡng nuôi con chung do vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân gia đình.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: bà M và ông S cùng xác định, vợ chồng không có nợ chung.

2. Về án phí, lệ phí Tòa án:

Bà M và ông S thỏa thuận chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền đã nộp theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000520 ngày 14/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Bà M và ông S đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Đà Lạt;
- Chi cục THA dân sự TP. Đà Lạt;
- UBND phường 6, thành phố Đà Lạt;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đặng Thị Thới